

#### 40. Biên địa, nghi thành (邊地疑城)

##### Chánh kinh:

佛告慈氏：若有眾生，以疑惑心修諸功德，願生彼國。不了佛智、不思議智、不可稱智、大乘廣智、無等無倫最上勝智，於此諸智，疑惑不信。猶信罪福，修習善本，願生其國。

*Phật cáo Từ Thị: - Nhược hữu chúng sanh, dĩ nghi hoặc tâm tu chư công đức, nguyện sanh bỉ quốc, bất liễu Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại Thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí, u thử chư trí, nghi hoặc bất tín. Do tín tội phước, tu tập thiện bản, nguyện sanh kỳ quốc.*

**Phật bảo ngài Từ Thị: - Nếu có chúng sanh dùng tâm nghi hoặc tu các công đức, nguyện sanh cõi ấy, chẳng hiểu rõ Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại Thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Đối với các trí ấy nghi hoặc chẳng tin, nhưng vẫn tin tội phước, tu tập cội lành, nguyện sanh cõi ấy.**

##### Giải:

Phẩm này giảng về cái nhân của Thai Sanh, khuyên nên sanh lòng tin sâu xa hầu khỏi đọa vào nghi thành biên địa: Trong năm trăm năm chẳng được thấy Phật và Tăng, chẳng được nghe kinh pháp. Ngài Vọng Tây nói: “*Biên Địa và Thai Sanh đồng Thể khác tên*”.

Sách Lược Luận ghi: “*Lại có một loại vãng sanh An Lạc nhưng chẳng thuộc vào ba bậc... Trong năm trăm năm thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, chẳng thấy Bồ Tát và thánh chúng Thanh Văn, gọi là Biên Địa của cõi Cực Lạc, còn gọi là Thai Sanh*”. Như vậy, ngài Vọng Tây chỉ nhắc lại ý của tổ Đàm Loan.

Sách Lược Luận còn viết:

“*Biên Địa là ý nói trong năm trăm năm chẳng được nghe đến Tam Bảo, giống như cái nạn [sanh nơi] biên địa, hoặc cũng là ở tuốt ngoài bìa cõi Cực Lạc. Thai Sanh là ví như người sanh trong thai, lúc sơ sanh nhân pháp chưa thành. Chữ Biên chỉ cho cái nạn ấy, chữ Thai chỉ sự tối tăm. Hai danh từ này đều là mượn tình huống nơi đây để ví cho tình trạng nơi kia (Ý nói: chữ Biên và Thai đều là thí dụ mà thôi), chứ chẳng phải là biên địa trong tám nạn, cũng chẳng phải là kiểu Thai*

*Sanh bằng thai bào. Do đâu biết thế? Cõi nước An Lạc thuần một bề là hóa sanh, cho nên biết là chẳng thật có Thai Sanh. Do năm trăm năm sau lại được thấy nghe Tam Bảo, nên chẳng phải là nạn biên địa trong tám nạn”.*

Lại nữa, “*nghi thành*” là nếu ai trong lòng nghi ngờ, niệm A Di Đà Phật thì sanh trong cung điện bảy báu nơi biên địa cõi Cực Lạc, trong năm trăm năm chẳng được nghe đến danh hiệu Tam Bảo. Do chỗ đó là nơi kẻ nghi ngờ cư ngụ nên gọi là “*nghi thành*”. Như kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chúa dạy:

*“Nhược nhân mạng chung chi thời, dự tri thời chí, chánh niệm phân minh, tẩy mặc, trước y, cát tường nhi thế. Quang minh chiếu thân, kiến Phật tướng hảo, chúng thiện cụ hiện, định tri thử nhân quyết định vãng sanh Tịnh Độ. Nhược nhân niệm Phật trì giới vô tinh tấn tâm, mạng chung diệc vô thiện tướng, diệc vô ác tướng, địa phủ bất thấu, An Dưỡng bất nhiếp, như thùy miên khứ. Thử nhân nghi tình bất đoạn, sanh u nghi thành. Ngũ bách tuế thọ lạc, tái tu tín nguyện, phương quy Tịnh Độ”* (Nếu người lúc mạng chung, biết trước thời khắc, chánh niệm phân minh, tắm gội, mặc áo, thanh thản ra đi, quang minh chiếu thân, thấy tướng hảo của Phật, các điều lành cùng hiện thì biết chắc chắn là người ấy quyết định vãng sanh Tịnh Độ. Nếu người niệm Phật, trì giới, tâm không tinh tấn thì lúc mạng chung cũng không có tướng lành mà cũng không có tướng ác. Địa phủ chẳng thấu, An Dưỡng chẳng nhiếp, bèn như mơ ngủ mà đi. Kẻ ấy nghi tình chưa đoạn nên sanh vào nghi thành. Hưởng vui trong năm trăm năm, lại tu tín nguyện, mới được về Tịnh Độ).

Rõ ràng là Tín lẫn Nguyện chính là điều kiện căn bản để vãng sanh gặp Phật!

Ngoài ra lại còn có Giải Mạn Quốc (懈慢國), hay còn gọi là Giải Mạn Giới (懈慢界). Cõi này nằm giữa cõi Sa Bà và Cực Lạc. Sanh vào nước này thì đắm nhiễm vào sự khoái lạc trong đó, nên lại khởi lên tâm kiêu mạn, giải đãi, chẳng chịu tấn tu để sanh lên Cực Lạc nên gọi là Giải Mạn quốc. Như kinh Bồ Tát Xử Thai chép:

*“Tây Phương khứ thử Diêm Phù Đề thập nhị ức na-do-tha, hữu Giải Mạn giới. Quốc độ khoái lạc... tiền hậu phát ý chúng sanh, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, giai thâm nhiễm trước Giải Mạn quốc độ, bất năng tiền tấn sanh A Di Đà Phật quốc. Ưc thiên vạn chúng, thời hữu nhất nhân năng sanh A Di Đà Phật quốc. Hà dĩ cố? Giai do giải mạn*

*chấp, tâm bất lao cố*” (Ở phương Tây, cách cõi Diêm Phù Đề này mười hai ức na-do-tha [cõi nước] có cõi Giải Mạn. Cõi nước ấy khoái lạc... Chúng sanh phát ý trước sau muốn sanh về cõi nước A Di Đà Phật, nhưng đều đắm nhiễm sâu nặng cõi nước Giải Mạn, chẳng thể tiến lên sanh về cõi A Di Đà Phật. Trong ức ngàn vạn chúng mới có một người có thể sanh về cõi A Di Đà Phật. Vì sao vậy? Đều vì lười biếng, kiêu mạn, chấp trước, tâm chẳng kiên cố). Cứ theo ý kinh, ta thấy cõi Giải Mạn cũng thuộc về biên địa, nghi thành.

Trong tác phẩm *Lược Luận*, ngài Đàm Loan đã giảng câu *“bất liễu Phật trí”* (chẳng hiểu rõ Phật trí) như sau: *“Chẳng hiểu rõ Phật trí là chẳng thể tin trọn vẹn vào Nhất Thiết Chứng Trí của Phật. Do chẳng hiểu nổi nên khởi nghi. Một câu này nêu chung điều nghi; bốn câu tiếp theo, mỗi câu đối trị mỗi nghi ấy”*.

Các vị Tịnh Ảnh, Pháp Vị, Nguyên Hiểu đều theo thuyết này, cùng cho rằng câu *“bất liễu Phật trí”* là Tổng, bốn câu kia là Biệt.

Ngài Tịnh Ảnh viết: *“Trước hết nói ‘bất liễu Phật trí’, câu này là Tổng, [những câu như] ‘bất tư nghị trí’ v.v... là Biệt. Phật trí uyên thâm, những trí khác không thể suy lường nổi nên bảo là ‘bất tư nghị’. Phật trí thật nhiều, chẳng thể kể hết nên bảo là ‘bất khả xưng’. Phật trí biết rõ cùng tột các pháp môn nên gọi là ‘quảng trí’. Phật trí ở địa vị cao trỗi nên gọi là vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí”*.

Ngài Hải Đông Nguyên Hiểu đời Đường lại đem bốn câu ấy phối hợp với bốn trí. Trong tác phẩm *Tông Yếu*, Ngài đã viết:

*“Câu Phật Trí là câu nêu chung, bốn câu tiếp đó đều nói về bốn trí. ‘Bất tư nghị trí’ là Thành Sở Tác Trí, trí này có thể làm được những việc chẳng thể nghĩ bàn; chẳng hạn như một niệm xưng danh vĩnh viễn diệt được trọng tội trong nhiều kiếp. Công đức của mười niệm phát sanh ra quả báo thù thắng vượt ngoài tam giới. Các việc như thế chẳng thể lường suy nổi, cho nên gọi là ‘bất tư nghị trí’.*

*‘Bất khả xưng trí’ là Diệu Quán Sát Trí. Trí này quán sát chẳng thể nói nổi cảnh giới, nghĩa là: Hết thấy pháp như huyền, như mộng, chẳng phải có, chẳng phải không, lìa ngôn ngữ, dứt bật suy nghĩ, chẳng thể dùng ngôn ngữ để suy lường, diễn tả nổi. Vì thế trí này gọi là ‘bất khả xưng trí’.*

*‘Đại Thừa quảng trí’ là Bình Đẳng Tánh Trí. Trí này độ rộng khắp, chẳng giống với Tiểu Thừa, tức là dung hội vô ngã nên chẳng bất ngã. Do bất ngã nên không gì là chẳng bình đẳng nhiếp thọ. Dùng trí*

lực đồng thể này độ khắp vô biên hữu tình khiến cho họ đều chứng vô thượng Bồ Đề cho nên gọi là ‘Đại Thừa quảng trí’.

‘Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí’ chính là Như Lai Đại Viên Kính Trí. Thi Giác chuyển thành bốn thức thì mới quay về nguồn tâm. Với hết thấy cảnh, không cảnh nào chẳng chiếu soi trọn vẹn. Vì lẽ đó, gọi là Đại Viên Kính Trí.

Trong một trí này có năm điều thù thắng:

1. Như Nhị Thừa cũng chứng đắc giải thoát thân, nhưng vì Kính Trí này chính là Pháp Thân nên Nhị Thừa chẳng thể đạt được; do vậy gọi là ‘vô đẳng’ (không ai bằng). Đây là điều thù thắng thứ nhất.

2. Ba trí trước đó Bồ Tát cũng dần dần sẽ đạt được; nhưng Đại Viên Kính Trí chỉ Phật mới đón chứng, chứ không ai khác có thể chứng nổi nên gọi là ‘vô luân’ (không ai sánh nổi). Đây là điều thù thắng thứ hai.

3. Hơn cả ‘bất tư nghị trí’ là ‘tối’; vượt xa ‘bất tư nghị trí’ là ‘thượng’. Rộng hơn ‘Đại Thừa quảng trí’ là ‘thắng’. Đây chính là các điều thù thắng thứ ba, thứ tư và thứ năm vậy.

Bởi thế, trí này được gọi là ‘vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí’.

Sách Hội Sớ lại nói:

“Bất liễu Phật trí là nghi ngờ tánh đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật trí, chẳng ngộ được vì sao đức Như Lai là vĩ đại. Niệm Phật vãng sanh được kiến lập bởi Phật trí mà [chúng sanh] lại nghi ngờ trí ấy nên chẳng thể hiểu rõ Phật trí.

Bất tư nghị trí: Vì trí huệ của Phật sâu rộng chẳng thể nghĩ bàn nên gọi là ‘bất tư nghị trí’. Niệm Phật vãng sanh được kiến lập bởi bất tư nghị trí mà [chúng sanh] lại nghi trí ấy nên bảo là ‘chẳng hiểu rõ bất tư nghị trí’.

Bất khả xưng trí là trí huệ của Phật nhiều đến vô lượng chẳng thể nói kể cho hết được nên gọi là bất khả xưng trí. Niệm Phật vãng sanh là do bất khả xưng trí thành tựu mà lại nghi trí ấy thì gọi là ‘chẳng hiểu rõ bất khả xưng trí’.

Đại Thừa quảng trí là trí biết đến cùng tột các pháp môn nên gọi là Đại Thừa quảng trí. Niệm Phật vãng sanh là do Đại Thừa quảng trí cảm thành mà lại nghi trí ấy nên gọi là ‘chẳng hiểu rõ Đại Thừa quảng trí’.

*Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí là do trí ấy có địa vị cao trời nên gọi là vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Nay niệm Phật vãng sanh là do vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí phát khởi mà lại nghi trí ấy nên bảo là chẳng hiểu rõ vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí”.*

Ba thuyết trên hỗ trợ nhau: Thuyết của Tịnh Ảnh Sơ trình bày tóm lược những điểm quan trọng; thuyết của sách Tông Yếu giảng rộng từng ý nghĩa; sách Hội Sơ quy kết về Tịnh tông nên tôi cùng trích dẫn cả ba thuyết.

Kinh nói: “*Dĩ nghi hoặc tâm*” (Dùng tâm nghi hoặc) nghĩa là do chẳng thể tin hiểu nổi Phật trí nên sanh tâm ngờ vực. Chữ “nghi” có bốn ý, dưới đây tôi sẽ tổng hợp những ý chính của các vị Đàm Loan, Nguyên Hiểu, Tuấn Đế và Cảnh Hưng để giảng.

\* Một là chẳng tin vào bất tư nghị trí nên nghi nếu chỉ niệm A Di Đà Phật chưa chắc đã được vãng sanh Cực Lạc, chẳng biết rằng bất tư nghị trí có đại oai lực chẳng thể suy lường được nổi. Hết thấy muôn pháp không pháp nào chẳng phải là tự lực, tha lực, tự nhiếp, tha nhiếp, thiên biến vạn hóa vô lượng vô biên. Há nên dùng cái tình thức còn ngăn ngại của phàm phu để ngờ vực diệu pháp vô ngại của đức Như Lai; đâu biết rằng một tấm gương có thể hiện bóng muôn vạn cảnh tượng, củi chất ngàn năm một mối lửa cháy sạch. Vì vậy, chí tâm nhất niệm xưng danh tiêu diệt được trọng tội sanh tử trong tám mươi ức kiếp. Mười niệm ắt được vãng sanh có chi là lạ!

\* Hai là chẳng tin vào bất khả xưng trí, chẳng hiểu được rằng thể tánh của Phật trí là tuyệt dứt mọi đối đãi, lia mọi lỗi lầm, tuyệt mọi sai trái.

Ngài Đàm Loan nói: “*Bất khả xưng trí là tin Phật trí chẳng thể diễn bày, mô tả, chẳng thể đối đãi. Vì sao nói thế? Pháp nếu là có thì ắt phải có cái trí biết có. Pháp nếu là không thì ắt phải có cái trí biết không. Các pháp rời ngoài có không mà Phật thấu hiểu sâu xa các pháp nên trí Ngài vượt khỏi mọi đối đãi. Dùng cái biết để hiểu Phật thì chẳng gọi là biết Phật. Dùng cái chẳng biết để hiểu Phật thì cũng chẳng gọi là biết Phật. Dùng cái bất tri, phi bất tri để hiểu Phật thì cũng chẳng phải là biết Phật. Dùng cái phi phi tri, phi phi bất tri để hiểu Phật thì cũng chẳng phải là biết Phật. Phật trí rời ngoài cả bốn câu ấy”.*

Lìa khỏi tứ cú ấy thì tuyệt bách phi. Phật trí lìa tứ cú, tuyệt bách phi, Thể của Phật trí không còn đối đãi nên gọi là “*bất khả xưng trí*”. Do trí ấy chẳng thể diễn tả nổi nên công đức niệm Phật cũng chẳng thể

diễn tả nổi. Niệm Phật vãng sanh là do bất khả xưng trí tạo thành nên hễ nghi trí này thì gọi là “*chẳng hiểu rõ bất khả xưng trí*”.

\* Ba là chẳng hiểu rõ Đại Thừa quảng trí, nghi Phật chẳng thể thật sự độ hết thấy chúng sanh, lại ngờ hết thấy chúng sanh niệm Phật chẳng phải đều được vãng sanh Tịnh Độ. Bởi thế, đối với A Di Đà Phật bèn sanh ý tưởng suy lường. Để đối trị mỗi nghi này, Phật mới nói đến Đại Thừa quảng trí. Trí này không pháp gì chẳng biết, không phiền não nào nó chẳng đoạn được, không điều thiện nào nó chẳng trọn vẹn được, không chúng sanh nào trí này chẳng độ được.

Muôn chỉ rõ Phật trí không gì là chẳng độ thoát được, đều đưa hết thấy vào vô dư nên gọi là “Đại Thừa”. Trí ấy độ thoát vô hạn vô ngần nên gọi là “quảng trí”. Trí ấy lại biết rõ cùng tột các pháp môn nên gọi là “Đại Thừa quảng trí”.

Vì thế, trí ấy có thể khéo hợp rộng rãi mọi căn cơ, đều độ thoát tất cả. Như Lai đại bi đại trí, đối với những kẻ hữu duyên thì không một ai Ngài chẳng độ thoát cho được nhập Niết Bàn. Ngài khai diễn diệu nghĩa “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*” khiến cho các hữu tình do niệm Phật chứng nhập vô niệm, do vãng sanh chứng được vô sanh. Bởi thế có thể khiến cho chúng sanh niệm Phật đều sanh Tịnh Độ.

Hơn nữa, thế giới chẳng phải là hữu biên, chẳng phải là vô biên, cũng tuyệt hẳn tứ cú. Phật làm cho chúng sanh lìa được tứ cú ấy thì gọi là “độ”, nhưng thật ra Ngài chẳng độ mà cũng chẳng phải là chẳng độ, chẳng phải tận mà cũng chẳng phải là chẳng tận.

\* Bốn là chẳng hiểu rõ vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí, ngờ Phật chẳng đắc Nhất Thiết Chung Trí. Do bởi nghi như thế nên đối với pháp môn Niệm Phật cầu vãng sanh chẳng thể chánh tín; do đó cảm lấy Thai Sanh.

Theo ngài Nguyên Hiểu, đối với Phật trí như thế chỉ có thể ngưỡng mộ, kính tin, chứ chẳng thể so lường nên gọi là “vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí”. Tin tưởng, ngưỡng mộ như thế nào? Hãy nên như Trí Độ Luận đã nói:

*“Hết thấy cảnh giới vốn là nhất tâm, lìa khỏi tướng niệm. Do chúng sanh lầm lạc thấy có cảnh giới nên tâm có phân chia. Do vọng khỏi tướng niệm chẳng xứng hợp với pháp tánh nên chẳng thể hiểu rạch ròi. Chư Phật Như Lai lìa khỏi các tướng thấy, không gì là chẳng hiểu trọn vẹn vì tâm chân thật chính là tánh của chư pháp. Tự thể chiếu rõ hết thấy pháp hư vọng, có đại trí dụng, vô lượng phương tiện, tùy theo*

*các chúng sanh hiểu được pháp nào thì Phật sẽ đều khai thị các thứ pháp nghĩa đó. Vì thế được gọi là Nhất Thiết Chúng Trí”.*

Đây chính là vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Do không có cái bị thấy nên không gì là chẳng thấy. Hiểu như thế để đối trị mỗi nghi thứ bốn vậy.

Trong tác phẩm Tông Yếu, ngài Nguyên Hiểu lại viết:

*“Nếu ai chẳng thể đoạn nổi bốn mối nghi đó thì dẫn sanh vào nước kia vẫn ở Biên Địa. Nếu như có kẻ tuy chẳng thể hiểu nổi cảnh giới của bốn trí vừa nói trên đây nhưng tự khiêm, tâm nhẫn chưa mở nhưng ngưỡng mộ Như Lai, một bề tin phục thì những người như vậy sẽ tùy theo hạnh phàm vãng sanh về cõi ấy, chẳng lạc vào Biên Địa. Sanh vào Biên Địa là một loại riêng chẳng thuộc vào chín phẩm. Vì thế chẳng nên sanh lòng nghi hoặc xằng bậy!”*

Lời luận định này rất tinh xác, rất khẩn yếu. Nếu như tin hiểu được các trí của Như Lai thì là bậc thượng căn lợi trí; còn nếu chẳng tin hiểu nổi thì cứ giữ lòng rộng rang, tự khiêm, tin kính, ngưỡng mộ các trí ấy thì cũng được vãng sanh, chẳng bị đọa vào nghi thành. Hành nhân Tịnh nghiệp nên đọc lại vài ba lần lời luận trên để thể hội sâu xa yếu chỉ “*hư tâm ngưỡng tín*” (trông lòng, ngưỡng mộ tin tưởng) ấy.

*“Nhược hữu chúng sanh, u thử chư trí nghi hoặc bất tín, do tín tội phước, tu tập thiện bốn, nguyện sanh kỳ quốc”* (Nếu có chúng sanh đối với các trí ấy ngờ vực chẳng tin, nhưng vẫn tin tội phước, tu tập cõi lành, nguyện sanh cõi ấy) là nói về hạnh cảnh của kẻ bị sanh vào Biên Địa.

*“Tội phước”*: Ngũ Nghịch, Thập Ác v.v... là “tội”; Ngũ Giới, Thập Thiện v.v... là “phước”. Chẳng thể kính tin Phật trí, nhưng vẫn tin vào tội phước, nhân quả, thường tu lễ Phật, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Do niệm Phật thật sự là căn bản của các điều thiện nên bảo là “*tu tập thiện bốn*”. Hạng người như vậy tin phước, chẳng tin trí, tin Sự nhưng lại mê nơi Lý nên bị đọa vào nghi thành.

### **Chánh kinh:**

復有眾生，積集善根，希求佛智、普遍智、無等智、威德廣大不思議智。於自善根，不能生信。

故於往生清淨佛國，意志猶豫，無所專據。然猶續念不絕。結其善願為本，續得往生。

*Phục hữu chúng sanh, tích tập thiện căn, hy cầu Phật trí, phổ biến trí, vô đẳng trí, oai đức quảng đại bất tư nghị trí. Ư tự thiện căn, bất năng sanh tín. Cố w vãng sanh thanh tịnh Phật quốc, ý chí do dự, vô sở chuyên cứ. Nhiên do tục niệm bất tuyệt, kết kỳ thiện nguyện vi bản, tục đắc vãng sanh.*

Lại có chúng sanh tích tập thiện căn, mong cầu Phật trí, phổ biến trí, oai đức quảng đại bất tư nghị trí; đối với thiện căn của chính mình chẳng thể sanh nổi lòng tin nên đối với việc vãng sanh cõi Phật thanh tịnh, ý chí do dự, chẳng thể chuyên chú nơi chỗ y cứ, nhưng do liên tục niệm Phật chẳng ngắt, kết thiện nguyện ấy thành căn bản nên vẫn được vãng sanh.

### Giải:

Đoạn kinh này nói đến một loại hành nhân khác bị sanh về Biên Địa: tin Tha mà chẳng tin Tự (tin vào mình).

Loại này cũng như loại trước đều là hạng tín căn chẳng đủ. Đó là vì có đến sáu thứ tin: tin lý, tin sự, tin tự, tin tha, tin nhân, tin quả. Đầy đủ cả sáu niềm tin này mới gọi là lòng tin đầy đủ.

Loại hành nhân này biết cầu Phật trí. Ba thứ trí như phổ biến trí v.v... nói ở đây tương đương với bốn trí đã nói ở phần trên. Nói miến cưỡng, “oai đức quảng đại bất tư nghị trí” tương đương với bất tư nghị trí và bất khả xung trí. Phổ biến trí tương đương Đại Thừa quảng trí bình đẳng phổ biến độ thoát hết thấy hữu tình cho đều đạt đến vô thượng Bồ Đề. Vô đẳng trí tương ứng với vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí.

Những trí trong đoạn trước được ghi trong bản Ngụy dịch, còn những trí ở đây (phổ biến trí...) thấy ghi trong bản Đường dịch. Đó là do dịch giả tách ra hay ghép lại sai khác. Do văn từ sai khác nên tên gọi các trí thành ra nhiều ít sai khác, nhưng thật ra các trí được nêu trong hai bản dịch chẳng hề sai khác nhau.

Hành nhân biết và mong cầu các trí trên đây nên kinh bảo: “Hy cầu Phật trí” (Mong cầu Phật trí). Tin được Tha Phật nhưng chẳng thể tin nổi Tự Phật. Do chẳng thể tin nổi ý chỉ “tâm này là Phật” nên lòng còn nghi ngờ. Đây là lỗi lầm lớn.



Sách Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận đã bàn về điều này rất tường tận, sách viết: “Cần phải hiểu thấu suốt Phật Trí cho đến Thắng Trí thì mới gọi là lòng tin chân thật. Do hết thấy trí chẳng lìa tự tâm, vô ngã, vô ngã sở, phạm thánh giống như nhau, đều cùng có chung những trí này. Hoàn toàn tin rằng tâm mình đầy đủ hết thấy trí, vốn sẵn thành Phật, chẳng hề ở ngoài tâm lại có một cái tâm tin Phật riêng biệt. Hồi hướng như thế thì gọi là duy tâm Tịnh Độ, mau được gặp Phật. Nếu đối với các trí trong tự tâm mà còn vướng mắc mới ngờ thì chẳng tránh khỏi chuyện thấy có Phật ở ngoài tâm nên đầu tư các điều lành, nương theo nguyện mà vãng sanh nhưng chẳng thấy được Phật vì chẳng khế hợp Phật Trí.

Bởi thế, kinh Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới dạy: ‘Tam thế nhất thiết chư Phật, giai vô sở hữu, duy y tự tâm. Bồ Tát nhược năng liễu tri chư Phật cập nhất thiết pháp, giai duy tâm lượng, đắc Tùy Thuận Nhân, hoặc nhập Sơ Địa. Xả thân tức sanh Diệu Hỷ thế giới, hoặc sanh Cực Lạc tịnh Phật quốc độ trung’ (Tam thế hết thấy chư Phật đều vô sở hữu, chỉ nương vào tự tâm. Bồ Tát nếu có thể biết rõ chư Phật và hết thấy pháp đều chỉ là tâm lượng thì sẽ đắc Tùy Thuận Nhân, hoặc chứng bậc Sơ Địa, lúc bỏ thân sẽ mau sanh vào thế giới Diệu Hỷ, hoặc sanh trong Phật Tịnh Độ Cực Lạc). Như vậy, hề biết rõ tâm lượng thì chẳng nhọc công mà hết thấy công đức đều thành tựu đầy đủ...Do đó, ta thấy là phải có trí quyết định thì mới sanh được lòng tin quyết định. Có lòng tin quyết định thì mới quyết định vãng sanh. Cần thận đừng vì tâm nghi hoặc mà đánh mất lợi lớn”.

Do vậy biết: Tin vào Tha mà chẳng tin Tự thì chính là trí còn kém cõi. Không có trí quyết định thì chẳng thể sanh lòng tin quyết định, cho nên “ý chí do dự, vô sở chuyên cứ” (ý chí do dự, chẳng thể chuyên chú nơi chỗ y cứ). Tín nguyện chẳng vững thì chỗ mình y cứ [để tu tập] chẳng thể chuyên nhất nội. Tuy vậy, vì hành nhân niệm Phật liên tục nên nương theo sức niệm Phật và sức phát nguyện bèn được vãng sanh, nhưng chỉ được sanh nơi Biên Địa.

### **Chánh kinh:**

是諸人等，以此因緣，雖生彼國，不能前至無量壽所。道止佛國界邊，七寶城中。佛不使爾，身行所作，心自趣向。亦有寶池蓮華，自然受身。飲

食快樂，如忉利天。於其城中，不能得出。所居舍宅在地，不能隨意高大。於五百歲，常不見佛，不聞經法，不見菩薩聲聞聖眾。其人智慧不明，知經復少。心不開解，意不歡樂。是故於彼謂之胎生。

*Thị chư nhân đặng, dĩ thử nhân duyên, tuy sanh bỉ quốc, bất năng tiền chí Vô Lượng Thọ sở, đạo chỉ Phật quốc giới biên, thất bảo thành trung. Phật bất sử nhĩ, thân hạnh sở tác, tâm tự thú hướng. Diệc hữu bảo trì liên hoa, tự nhiên thọ thân, ẩm thực khoái lạc, như Đào Lợi thiên. Ư kỳ thành trung, bất năng đắc xuất. Sở cư xá trạch tại địa, bất năng tùy ý cao đại. Ư ngũ bách tuế, thường bất kiến Phật, bất văn kinh pháp, bất kiến Bồ Tát, Thanh Văn thánh chúng. Kỳ nhân trí huệ bất minh, tri kinh phục thiếu, tâm bất khai giải, ý bất hoan lạc. Thị cố u bỉ vị chi thai sanh.*

Những người này do nhân duyên ấy tuy sanh về nước kia, nhưng chẳng thể đến ngay chỗ Vô Lượng Thọ Phật, mà chỉ ở trong thành bảy báu nơi biên địa của cõi Phật. Phật chẳng hề tạo ra như vậy, nhưng do thân hạnh [do hành nhân] đã tạo nên tâm tự hướng đến [nơi ấy]. [Trong biên địa] cũng có ao báu, tự nhiên thọ thân trong hoa sen; thức ăn uống, các thứ khoái lạc như trên trời Đào Lợi. [Người sanh về biên địa] ở trong thành ấy, chẳng ra ngoài được. Nhà cửa ở ngay trên mặt đất, chẳng thể lớn nhỏ tùy ý muốn. Trong năm trăm năm, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, chẳng thấy Bồ Tát, Thanh Văn thánh chúng. Người ấy trí huệ chẳng sáng suốt, biết kinh càng ít hơn nữa. Tâm chẳng khai giải, ý chẳng vui sướng. Bởi thế, gọi đó là “thai sanh”.

### Giải:

Chữ “*thị chư nhân đặng*” (những người này) chỉ hai loại người vãng sanh về Biên Địa đã nói ở trên.

“*Dĩ thử nhân duyên*” (Do nhân duyên ấy) là do cái nhân tu thiện niệm Phật, phát nguyện cầu sanh nên cảm được chôn Biên Địa cõi Cực Lạc, sống trong cung điện bảy báu, ao báu, hoa sen, vui thú như ở trên trời Đào Lợi và hưởng cái quả chẳng thoái đọa. Nhưng vì phạm lỗi nghi hoặc nên phải cảm lấy cái quả “*đạo chỉ Phật quốc giới biên*” (chỉ ở nơi Biên Địa của cõi Phật), sống trong Nghi Thành chẳng thể thoát ra được, trong năm trăm năm chẳng được thấy nghe Tam Bảo.

Những điều như thế đều chỉ là do tâm tạo, do nghiệp lực dặt dấn, nên Phật bảo: *“Phật bất sử nhĩ, thân hạnh sở tác, tâm tự thú hướng”* (Phật chẳng hề tạo ra như vậy, nhưng do thân hạnh đã tạo của hành nhân nên tâm tự hướng đến nơi ấy). Đây chính là điều kinh Hoa Nghiêm đã dạy: *“Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo”* (Hãy nên quán pháp giới tánh, hết thảy chỉ là do tâm tạo). Ấy là vì tâm sanh thì các pháp sanh, địa ngục, thiên đường hay Tịnh Độ đều chỉ do tâm biến hiện. Thân mình hướng đến đâu cũng đều do nghiệp lực của chính mình lôi kéo. Nghiệp do tâm sanh nên bảo là *“tâm tự thú hướng”*.

Sanh trong biên địa cũng *“tự nhiên thọ thân”* trong ao hoa sen báu, nên chẳng phải là thai sanh như trong thế gian mà thật sự là liên hoa hóa sanh. Sanh sống khoái lạc như *“Đạo Lợi thiên”*, nhưng ở miết trong ấy chẳng ra ngoài được. Chốn họ cư ngụ là ngay trên mặt đất, chẳng thể thăng lên hư không; nhà cửa cũng chẳng thể tùy ý hóa ra cao to theo ý muốn.

Điều tệ nhất là trong cả năm trăm năm chẳng được thấy Phật, nghe pháp. Về *“ngũ bách tuế”* (năm trăm năm), bản Hán dịch chép rõ là *“v thị gian ngũ bách tuế”* (năm trăm năm trong cõi này). Kinh chép *“thị gian”* chứ không ghi là *“bỉ quốc”* (cõi kia), nên chữ *“thị gian”* phải là cõi đức Thế Tôn đang thuyết pháp (tức là cõi Sa Bà). Vì lẽ đó, ngài Cảnh Hưng bảo: *“Năm trăm năm là số năm trong thế gian này”*, nghĩa là con số năm trăm năm vừa nói đó là năm trăm năm so với kiếp sống con người hiện tại.

Nhưng ta chẳng thể chấp nhất định rằng năm trăm ấy chính là năm trăm năm trong cõi trần gian này bởi vì phẩm số trong Cực Lạc là vô lượng nên phẩm số trong cõi Biên Địa cũng sai biệt vô lượng. Chẳng hạn như trong Quán kinh bảo trung phẩm hạ sanh thì *“v liên hoa trung mãn thập nhị đại kiếp, liên hoa phương khai”* (ở trong hoa sen trọn mười hai đại kiếp, hoa sen mới nở). Đây là cả một thời gian dài.

Lại như cư sĩ Viên Hoằng Đạo đời Minh do chấp vào công đức soạn tác phẩm Tây Phương Hiệp Luận nên sanh vào Biên Địa, nhưng do trí huệ thù thắng nên chẳng lâu sau liền được thấy Phật nghe Pháp.

Phẩm bốn mươi một của kinh này có nói: *“Nhược thử chúng sanh, thức kỳ tội bốn... nhiên hậu nãi xuất”* (Nếu chúng sanh ấy biết gốc tội của mình... thì sau đây mới được thoát khỏi). Vì vậy, sám hối đoạn nghi mới chính là mấu chốt để thoát khỏi, còn thời gian chẳng phải là nhất định.

Chữ “*kỳ nhân*” (người ấy) chỉ người sanh trong Biên Địa. Câu “*trí huệ bất minh*” (trí huệ chẳng sáng suốt) ý nói ngu si vô trí. “*Tri kinh phục thiếu*” là chẳng biết nhiều về kinh điển Đại Thừa. “*Tâm bất khai giải*” là câu nhiệm sâu nặng nên tâm chẳng thể khai ngộ, ý chẳng thể hiểu biết. Lại vì ngờ vực chấp chông nên chẳng vui sướng.

Trên đây kinh đã nêu rõ các nguyên nhân vì sao gọi những người như vậy là “*thai sanh*”.

### **Chánh kinh:**

若有眾生，明信佛智，乃至勝智，斷除疑惑，信己善根，作諸功德，至心迴向。皆於七寶華中，自然化生，跏趺而坐。須臾之頃，身相光明，智慧功德，如諸菩薩，具足成就。彌勒當知，彼化生者，智慧勝故。其胎生者，五百歲中，不見三寶，不知菩薩法式，不得修習功德，無因奉事無量壽佛。當知此人，宿世之時，無有智慧，疑惑所致。

*Nhược hữu chúng sanh, minh tín Phật trí, nãi chí thắng trí, đoạn trừ nghi hoặc, tín kỷ thiện căn, tác chư công đức, chí tâm hồi hướng, giai ư thất bảo hoa trung, tự nhiên hóa sanh, già phu nhi tọa. Tu du chi khoảnh, thân tướng quang minh, trí huệ công đức, như chư Bồ Tát, cụ túc thành tựu. Di Lạc đương trí, bỉ hóa sanh giả, trí huệ thắng cố. Kỳ thai sanh giả, ngũ bách tuế trung, bất kiến Tam Bảo, bất tri Bồ Tát pháp thức, bất đắc tu tập công đức, vô nhân phụng sự Vô Lượng Thọ Phật. Đương trí thử nhân, túc thế chi thời, vô hữu trí huệ, nghi hoặc sở trí.*

Nếu có chúng sanh tin tưởng thông suốt từ Phật trí cho đến thắng trí, đoạn trừ nghi hoặc, tin vào thiện căn của mình, làm các công đức, chí tâm hồi hướng thì đều tự nhiên ngồi xếp bằng hóa sanh trong hoa bảy báu. Trong khoảnh khắc, thân tướng, quang minh, trí huệ công đức thành tựu đầy đủ giống như các Bồ Tát.

Di Lạc nên biết! Những kẻ ấy hóa sanh là do trí huệ thù thắng. Còn những kẻ thai sanh thì trong năm trăm năm chẳng được thấy Tam Bảo, chẳng biết pháp thức của Bồ Tát, chẳng được tu tập công đức, không cách nào phụng sự Vô Lượng Thọ Phật. Phải biết

**là do người ấy trong đời trước chẳng có trí huệ, vì nghi hoặc mà đến nỗi ấy.**

**Giải:**

Đoạn này nêu chung về tướng trạng nhân quả của Thai Sanh và Hóa Sanh. Người vãng sanh có đầy đủ lòng tin thì chẳng những tin vào Phật Trí, còn tin vào thiện căn của chính mình, ngoài thì kính mộ chư hiền thánh, trong lại tôn trọng linh giác của mình, tu các công đức, chí tâm hồi hướng nên đều hóa sanh trong hoa sen ở trước Phật. Quang minh, trí huệ, công đức thành tựu đầy đủ như các vị Bồ Tát.

Ngược lại, kẻ trong lòng ngờ vực ắt đọa vào Thai Sanh, trong năm trăm năm, chẳng được nghe đến Tam Bảo v.v... đầy đều là vì thiếu hẳn trí huệ, bởi ngờ vực mà phải chịu nông nỗi ấy. Bởi vậy, đoạn nghi sanh tín là điều cực kỳ thiết yếu vậy.